

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28-02-2025

V/v tranh chấp không công nhận
quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Cẩm Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Văn Tám

2/ Ông Huỳnh Ngọc Trứ

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Thành Đạt – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 02 năm 2025 Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 273/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ liên lạc: Ấp Q, xã N, thị xã C, Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị N có mặt; anh M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 11/12/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày:*

Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn M tự nguyện chung sống từ năm 2002, không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, chị N và anh M chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp, mâu thuẫn về kinh tế gia đình nên chị N không còn chung sống với anh M từ tháng 02/2024 đến nay. Mặc dù, chị N và anh M đã nhiều lần hòa giải mong hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị N yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh M.

Về con chung: Chị N và anh M có 02 con chung tên Nguyễn Khánh D, sinh ngày 28/02/2003 và Nguyễn Khánh D1, sinh ngày 07/5/2008. Khi ly hôn, cháu D đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; đồng ý giao con chung Nguyễn Khánh D1 cho anh Nguyễn Văn M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Văn M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh M không có văn bản trình bày ý kiến và không tham gia phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.*

** Tại phiên tòa,*

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn Nguyễn Văn M vắng mặt không lý do.

** Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ quy định Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn M là vợ chồng. Về con chung cháu D đã trưởng thành và không

yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét; giao con chung Nguyễn Khánh D1 cho anh Nguyễn Văn M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị N không cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung không xem xét do các bên không tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Nguyễn Thị N yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bị đơn Nguyễn Văn M có nơi cư trú tại ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy tỉnh Tiền Giang theo qui định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh M được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh M.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn M tự nguyện chung sống từ năm 2002, không có đăng ký kết hôn. Xét lời khai này của chị N là phù hợp với Công văn số 25/UBND ngày 08/01/2025 của Ủy ban nhân dân xã T có nội dung: qua xem xét hồ sơ lưu tại Ủy ban nhân dân xã T không thể hiện hồ sơ đăng ký kết hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn M.

Xét thấy, chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn M tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”*

Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn M là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị N và anh M có 02 con chung tên Nguyễn Khánh D, sinh ngày 28/02/2003 và Nguyễn Khánh D1, sinh ngày 07/5/2008. Khi ly hôn, cháu D đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đối với cháu Nguyễn Khánh D1 chưa đủ 18 tuổi nên

rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của cha hoặc mẹ. Chị Nguyễn Thị N đồng ý để anh M được trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, từ khi chị N và anh M không còn sống chung, cháu D1 do anh M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cũng đảm bảo cuộc sống đã ổn định nên cần giao con cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng nhằm đảm bảo quyền lợi, lợi ích của trẻ em, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu. Căn cứ Điều 15, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao con chung Nguyễn Khánh D1 cho anh Nguyễn Văn M trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Xét ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí thì chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;

Xử: Không công nhận chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn M là vợ chồng.

Giao con chung tên Nguyễn Khánh D1, sinh ngày 07/5/2008 cho anh Nguyễn Văn M tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị N chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chị đã tạm nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005250 ngày 12/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, do đó xem như đã nộp xong án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Chi Cục THADS thị xã C, TG;
- UBND xã T, TX C, TG;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Cẩm L